

Biểu mẫu 05

**ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 5
TRƯỜNG TIỂU HỌC TRẦN BÌNH TRỌNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**THÔNG BÁO
Cam kết chất lượng giáo dục của trường tiểu học, năm học 2017-2018**

STT	Nội dung	Chia theo khối lớp				
		Lớp 1	Lớp 2	Lớp 3	Lớp 4	Lớp 5
I	Điều kiện tuyển sinh	Thực hiện Kế hoạch Tuyển Sinh của UBNDQ5	Thực hiện Kế hoạch Tuyển Sinh của UBNDQ5	Thực hiện Kế hoạch Tuyển Sinh của UBNDQ5	Thực hiện Kế hoạch Tuyển Sinh của UBNDQ5	Thực hiện Kế hoạch Tuyển Sinh của UBNDQ5
II	Chương trình giáo dục mà cơ sở giáo dục thực hiện	BGD-ĐT	BGD-ĐT	BGD-ĐT	BGD-ĐT	BGD-ĐT
III	Yêu cầu về phối hợp giữa cơ sở giáo dục và gia đình. Yêu cầu về thái độ học tập của học sinh	Tạo dựng môi trường GD lành mạnh , nề nếp,ki cương, có chất lượng GD cao	Tạo dựng môi trường GD lành mạnh , nề nếp,ki cương, có chất lượng GD cao	Tạo dựng môi trường GD lành mạnh , nề nếp,ki cương, có chất lượng GD cao	Tạo dựng môi trường GD lành mạnh , nề nếp,ki cương, có chất lượng GD cao	Tạo dựng môi trường GD lành mạnh , nề nếp,ki cương, có chất lượng GD cao
IV	Các hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt của học sinh ở cơ sở giáo dục	Nơi học sinh được chăm sóc, nâng niu, tạo cho các em niềm hứng thú, say mê để các em Vui học thành tài.	Nơi học sinh được chăm sóc, nâng niu, tạo cho các em niềm hứng thú, say mê để các em Vui học thành tài.	Nơi học sinh được chăm sóc, nâng niu, tạo cho các em niềm hứng thú, say mê để các em Vui học thành tài.	Nơi học sinh được chăm sóc, nâng niu, tạo cho các em niềm hứng thú, say mê để các em Vui học thành tài.	Nơi học sinh được chăm sóc, nâng niu, tạo cho các em niềm hứng thú, say mê để các em Vui học thành tài.
V	Kết quả năng lực, phẩm chất, học tập, sức khỏe của học sinh dự kiến đạt được	Đáp ứng chất lượng GDĐĐ,HT,SK TỐT	Đáp ứng chất lượng GDĐĐ,HT,SK TỐT	Đáp ứng chất lượng GDĐĐ,HT,SK TỐT	Đáp ứng chất lượng GDĐĐ,HT,SK TỐT	Đáp ứng chất lượng GDĐĐ,HT,SK TỐT
VI	Khả năng học tập tiếp tục của học sinh	Mỗi học sinh có cơ hội PT tài năng và tư duy sáng tạo,có khát vọng vươn lên.	Mỗi học sinh có cơ hội PT tài năng và tư duy sáng tạo, có khát vọng vươn lên	Mỗi học sinh có cơ hội PT tài năng và tư duy sáng tạo có khát vọng vươn lên	Mỗi học sinh có cơ hội PT tài năng và tư duy sáng tạo có khát vọng vươn lên	Mỗi học sinh có cơ hội PT tài năng và tư duy sáng tạo có khát vọng vươn lên

Quận 5, ngày 25 tháng 5 năm 2018

**Thủ trưởng đơn vị
(Ký tên và đóng dấu)**

Nguyễn Thị Kim Ân

Biểu mẫu 06

**ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 5
TRƯỜNG TIỂU HỌC TRẦN BÌNH TRỌNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

THÔNG BÁO
Công khai thông tin chất lượng giáo dục tiểu học thực tế, năm học 2017-2018

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp				
			Lớp 1	Lớp 2	Lớp 3	Lớp 4	Lớp 5
I	Tổng số học sinh	1149	258	186	238	222	245
II	Số học sinh học 2 buổi/ngày	1149	258	186	238	222	245
III	Số học sinh chia theo năng lực, phẩm chất						
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	1059/92.1	243/94.2	167/90.3	224/94.1	205/92.3	220/89.8
2	Đạt (tỷ lệ so với tổng số)	89/7.7	15/5.8	19/9.7	14/5.9	16/7.2	25/10.2
3	Cần cố gắng (tỷ lệ so với tổng số)	1/0.5				1/0.5	
IV	Số học sinh chia theo kết quả học tập						
1	Hoàn thành tốt (tỷ lệ so với tổng số)	950/82.7	214/82.9	147/79	199/83.6	187/84.2	203/82.9
2	Hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)	199/17.3	44/17.1	39/21	39/16.4	35/15.8	42/17.1
3	Chưa hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)						
V	Tổng hợp kết quả cuối năm						
1	Lên lớp (tỷ lệ so với tổng số)	1149/100	258/100	186/100	238/100	222/100	245/100
a	Trong đó: HS được khen thưởng cấp trường (tỷ lệ so với tổng số)	651/56.7	168/65.1	83/44.6	126/52.9	121/54.5	153/62.4
b	HS được cấp trên khen thưởng (tỷ lệ so với tổng số)	28/2.4	2/0.8	2/1.1	7/2.9	8/3.6	9/3.7
2	Ở lại lớp (tỷ lệ so với tổng số)						

Quận 5, ngày 25 tháng 5 năm 2018
Thủ trưởng đơn vị
(Ký tên và đóng dấu)

Nguyễn Thị Kim Ân

Biểu mẫu 07

**ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 5
TRƯỜNG TIỂU HỌC TRẦN BÌNH TRỌNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

THÔNG BÁO
Công khai thông tin cơ sở vật chất của trường tiểu học, năm học 2017-2018

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Số phòng học/số lớp	30/30	1.4 m ² /học sinh
II	Loại phòng học		-
1	Phòng học kiên cố	31	1.4 m ² /học sinh
2	Phòng học bán kiên cố	0	-
3	Phòng học tạm	0	-
4	Phòng học nhờ, mượn	0	-
III	Số điểm trường lẻ	0	-
IV	Tổng diện tích đất (m²)	2153m ²	
V	Diện tích sân chơi, bãi tập (m²)	800m ²	
VI	Tổng diện tích các phòng		
1	Diện tích phòng học (m ²)	1554m ²	
2	Diện tích thư viện (m ²)	120m ²	
3	Diện tích phòng giáo dục thể chất hoặc nhà đa năng (m ²)	70m ²	
4	Diện tích phòng giáo dục nghệ thuật (m ²)	0	
5	Diện tích phòng ngoại ngữ (m ²)	0	
6	Diện tích phòng học tin học (m ²)	48m ²	
7	Diện tích phòng thiết bị giáo dục (m ²)	18m ²	
8	Diện tích phòng hỗ trợ giáo dục học sinh khuyết tật học hòa nhập (m ²)	0	
9	Diện tích phòng truyền thống và hoạt động Đội (m ²)	24m ²	
VII	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)		Số bộ/lớp
1	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu hiện có theo quy định	30 bộ	30 bộ/30lớp
1.1	Khối lớp 1	7	1 bộ/1 lớp
1.2	Khối lớp 2	5	1 bộ/1 lớp
1.3	Khối lớp 3	6	1 bộ/1 lớp
1.4	Khối lớp 4	6	1 bộ/1 lớp
1.5	Khối lớp 5	6	1 bộ/1 lớp
2	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu còn thiếu so với quy định	0	
2.1	Khối lớp 1	0	
2.2	Khối lớp 2	0	
2.3	Khối lớp 3	0	

2.4	Khối lớp 4	0	
2.5	Khối lớp 5	0	
VIII	Tổng số máy vi tính đang được sử dụng phục vụ học tập (Đơn vị tính: bộ)	45	1 học sinh/1 bộ
IX	Tổng số thiết bị dùng chung khác		Số thiết bị/lớp
1	Ti vi	17	17/30 lớp
2	Cát xét	4	Sử dụng chung
3	Đầu Video/đầu đĩa	4	Sử dụng chung
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	1	Sử dụng chung
5	Thiết bị khác...(Bảng thông minh)	4	Sử dụng chung
6	Máy chiếu + màn chiếu	30	1 bộ/1 lớp

	Nội dung	Số lượng(m ²)
X	Nhà bếp	100
XI	Nhà ăn	

	Nội dung	Số lượng phòng, tổng diện tích (m ²)	Số chỗ	Diện tích bình quân/chỗ
XII	Phòng nghỉ cho học sinh bán trú	30 phòng/1530 m ²	1080	1.4 m ² /1 chỗ
XIII	Khu nội trú			

XIV	Nhà vệ sinh	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m ² /học sinh	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	2	0	23/23	0	0
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*	0	0	0	0	0

(*Theo Thông tư số 41/2010/TT-BGDĐT ngày 30/12/2010 của Bộ GDĐT ban hành Điều lệ trường tiểu học và Thông tư số 27/2011/TT-BYT ngày 24/6/2011 của Bộ Y tế ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nhà tiêu- điều kiện bảo đảm hợp vệ sinh).

		Có	Không
XV	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	X	
XVI	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	X	
XVII	Kết nối internet	X	
XVIII	Trang thông tin điện tử (website) của trường	X	
XIX	Tường rào xây	X	

Quận 5, ngày 25 tháng 5 năm 2018
Thủ trưởng đơn vị
(Ký tên và đóng dấu)

Nguyễn Thị Kim Ân

Biểu mẫu 08

**ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 5
TRƯỜNG TIỂU HỌC TRẦN BÌNH TRỌNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

THÔNG BÁO

**Công khai thông tin về đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên của trường tiểu học,
năm học 2017-2018**

STT	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo						Hạng chức danh nghề nghiệp			Chuẩn nghề nghiệp			
			TS	ThS	ĐH	CD	TC	Dưới TC	Hạng IV	Hạng III	Hạng II	Xuất sắc	Khá	Trung bình	Kém
	Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên	57			41	4	3	9	5	5	34	41	16		
	I Giáo viên	30			28	2			3	2	25	29	11		
	Trong đó số giáo viên chuyên biệt:														
1	Tiếng dân tộc														
2	Ngoại ngữ	3			3						3	3			
3	Tin học	1					1		1				1		
4	Âm nhạc	2			2				1	1		1	1		
5	Mỹ thuật	2			2					1	1		2		
6	Thể dục	3			2	1				1	2	2	1		
	II Cán bộ quản lý	3			3						3	3			
1	Hiệu trưởng	1			1						1	1			
2	Phó hiệu trưởng	2			2						2	2			
	III Nhân viên	14			2	1	2	9				9	5		
1	Nhân viên văn thư	1						1				1			
2	Nhân viên kế toán	1			1							1			
3	Thủ quỹ	1						1				1			
4	Nhân viên y tế														
5	Nhân viên thư viện	1				1						1			
6	Nhân viên thiết bị, thí nghiệm														
7	Nhân viên công nghệ thông tin	1					1						1		
8	Nhân viên hỗ trợ giáo dục người khuyết tật														
9	CD-BM-BV-Gv	9			1		1	7				5	4		

Quận 5, ngày 25 tháng 5 năm 2018
Thủ trưởng đơn vị
(Ký tên và đóng dấu)

Nguyễn Thị Kim Ân

